

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 – 6 – 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thạch Thị Sà Phải.

2/ Ông Lê Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị B H; Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 507 ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S (bà B H vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông Trần Thanh V; Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 87 ấp H, xã T, huyện T, tỉnh S (ông V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị B H trình bày:

Bà với ông Trần Thanh V tổ chức lễ cưới vào năm 2001 nhưng đến năm 2007, ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (Nay là huyện T), tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 070

ngày 02 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống ở nhà cha mẹ ruột bà B H tại số 507 ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nhau. Vào năm 2008, trong một lần hai vợ chồng cãi nhau ông V bỏ nhà ra đi và không quay về sống với vợ con nữa. Từ năm 2008 cho đến nay, ông bà đã không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Bà B H cho rằng tình cảm giữa hai người đã không còn và bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Trong quá trình chung sống, bà B H với ông V có hai con chung là Trần Minh C, sinh ngày 20/12/2002 và Trần Minh T, sinh ngày 18/11/2006 đang sống với bà B H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Trần Thị B H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh V.

- Về con chung: Trần Minh C, sinh ngày 20/12/2002, đã trưởng thành và đã đi làm, tự lo được cho cuộc sống bản thân nên bà B H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Còn cháu Trần Minh T, sinh ngày 18/11/2006, bà B H yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Trần Thanh V cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh V không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 22/TB-TLVA ngày 19 tháng 01 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Trần Thanh V nhưng ông Trần Thanh V không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B H. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông Trần Thanh V để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Thanh V đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B H ly hôn với ông Trần Thanh V. Về con chung: Giao cháu Trần Minh T cho bà B H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông Trần Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu T. Về

tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị B H và ông Trần Thanh V đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà B H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông V mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà B H và ông V.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị B H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Trần Thanh V, yêu cầu được nuôi cháu Trần Minh T và không yêu cầu ông Trần Thanh V cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị B H với ông Trần Thanh V là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nhau. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Trần Thị B H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh V là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trần Minh C đã thành niên và đã đi làm, tự lo được cho cuộc sống bản thân nên bà B H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Còn cháu Trần Minh T trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn. bà B H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu T. Xét thấy, từ khi bà B H và ông V không còn chung sống với nhau thì cháu T do bà B H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. bà B H có đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà B H không yêu cầu nên ông V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà B H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà B H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà B H yêu cầu nên bà B H phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B H.
- Về hôn nhân: Bà Trần Thị B H được quyền ly hôn với ông Trần Thanh V.
- Về con chung: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 18/11/2006 cho bà Trần Thị B H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trần Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Trần Thanh V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trần Thị B H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Thanh V. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị B H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017 0005875 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Trần Thị B H đã nộp xong án phí.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã L, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân